TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-12-2024
V/v: Ly hôn; tranh chấp về nuôi con; chia tài sản chung khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên tòa: Bà Lê Cẩm Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số 947/2024/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024 về việc: "Ly hôn; tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/QĐXXST – HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Diễm M, sinh năm 1999; nơi thường trú: Ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau; nơi tạm trú: Nhà trọ Trầm Minh T, tổ A, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Chí T1, sinh năm 1998; thường trú tại: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú tại: Nhà T, tổ A, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 11 năm 2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Diễm M trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Chí T1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05, đăng ký ngày 16/01/2023, hôn nhân là tự nguyện. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do ông T1 thường xuyên đi nhậu, cờ bạc, không chăm lo cho gia đình, khi xảy ra mâu thuẫn thì ba mẹ chồng bênh vực ông T1, gây mâu thuẫn với mẹ ruột của bà. Ông T1 đã về bên gia đình chồng được 02 tháng nay. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông T1.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 07/02/2019 và Nguyễn Trần Bảo V, sinh ngày 04/4/2022. Bà yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Trần Bảo N và giao con chung Nguyễn Trần Bảo V cho ông Nguyễn Chí T1 nuôi dưỡng. Bà và ông Nguyễn Chí T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Theo đơn khởi kiện, bà yêu cầu chia tài sản chung mỗi người ½ giá trị của tài sản chung là: 01 xe Satria, biển số 66K1-39309, số khung: Zk1209810, số máy CGA11D209829, màu xe: Xanh đen do Công an huyện T cấp cho ông Nguyễn Chí T1 và chia nợ chung tại Ngân hàng T2 với số tiền nợ là 42.000.000 đồng. Nay bà rút lại yêu cầu đối với tài sản chung, nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Chí T1 trình bày:

Về hôn nhân: Bà M và ông đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05, đăng ký ngày 16/01/2023, hôn nhân là tự nguyện. Trong thời gian chung sống, ông và bà M thường xảy ra mâu thuẫn do ông thường xuyên đi nhậu, cờ bạc, không chăm lo cho gia đình. Sự việc này đã xảy ra nhiều lần, bà M có khuyên ông, hiện nay ông đã có sự thay đổi, không tụ tập bạn bè uống bia, rượu nữa. Ông đã về bên gia đình của ông sinh sống được 02 tháng nay. Nay ông còn tình cảm vợ chồng với bà M, do đó ông không đồng ý ky hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 07/02/2019 và Nguyễn Trần Bảo V, sinh ngày 04/4/2022. Ông đồng ý giao cháu Nguyễn Trần Bảo N cho bà M nuôi dưỡng; còn con chung Nguyễn Trần Bảo V ông nuôi dưỡng; ông không yêu cầu cấp dưỡng và cũng không cấp dưỡng nuôi cháu N.

Về tài sản chung: Ông và bà M có tài sản chung là 01 xe Satria, biển số 66K1-39309, số khung: Zk1209810, số máy CGA11D209829, màu xe: Xanh đen do Công an huyện T cấp cho ông.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 42.000.000 đồng.

Nay về tài sản chung, nợ chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

1.1 Bà Trần Diễm M, ông Nguyễn Chí T1 vắng mặt và đều có đơn đề nghị vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà M, ông T1.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Diễm M đối với bị đơn ông Nguyễn Chí T1:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông T1 chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05, đăng ký ngày 16/01/2023, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay bà M yêu cầu được ly hôn với ông T1, ông T1 không đồng ý vì còn tình cảm vợ chồng với bà M. Xét thấy, bà M yêu cầu ly hôn với ông T1 là do ông T1 thường xuyên đi nhậu, cờ bạc, không chăm lo cho gia đình; quá trình tố tụng, ông T1 thừa nhận giữa ông T1 với bà M thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân như lời trình bày của bà M. Do đó, lời trình bày của bà M là có căn cứ. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa bà M và ông T1 đã tới mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần cho bà M được ly hôn với ông T1.

2.2 Về con chung: Bà M và ông T1 có 02 con chung tên Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 07/02/2019 và Nguyễn Trần Bảo V, sinh ngày 04/4/2022. Bà M yêu

cầu được nuôi con chung Nguyễn Trần Bảo N và giao con chung Nguyễn Trần Bảo V cho ông Nguyễn Chí T1 nuôi dưỡng. Bà M và ông Nguyễn Chí T1 không phải cấp dưỡng nuôi con, ông T1 thống nhất yêu cầu này của bà M, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần giao cháu N cho bà M nuôi dưỡng, giao cháu V cho ông T1 nuôi dưỡng; bà M, ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung:

Bà M, ông T1 khai, ông bà có tài sản chung là 01 xe Satria, biển số 66K1-39309, số khung: Zk1209810, số máy CGA11D209829, màu xe: Xanh đen do Công an huyện T cấp cho ông và nợ chung: Nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 42.000.000 đồng. Theo đơn khởi kiện, bà My M rút lại, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên cần đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của bà M và Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết đối với tài sản chung, nợ chung nêu trên của bà M, ông T1.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà M phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử thống nhất.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 9, 56, khoản 1 Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147; Điều 227, khoản 1 Điều 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Diễm M đối với bị đơn ông Nguyễn Chí T1 về việc: “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con”.

- Về hôn nhân: Bà Trần Diễm M được ly hôn với ông Nguyễn Chí T1.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 07/02/2019 cho bà Trần Diễm M trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung tên Nguyễn Trần Bảo V, sinh ngày 04/4/2022 cho ông Nguyễn Chí T1 trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận bà Trần Diễm M, ông Nguyễn Chí T1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Trần Diễm M, ông Nguyễn Chí T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Diễm M, ông Nguyễn Chí T1 không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

2. Đình chỉ xét xử "Yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn" của nguyên đơn bà Trần Diễm M đối với bị đơn ông Nguyễn Chí T1 đối với tài sản chung là 01 xe Satria, biển số 66K1-39309, số khung: Zk1209810, số máy CGA11D209829, màu xe: Xanh đen do Công an huyện T cấp cho ông và nợ chung: Nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 42.000.000 đồng.

3. Về án phí:

Bà Trần Diễm M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Trần Diễm M đã nộp theo Biên lai thu kí hiệu BLTU/24, số 0005896 ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Bà Trần Diễm M đã nộp xong tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Diễm M, ông Nguyễn Chí T1 có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Cẩm Hằng